

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tại thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2011-2015

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011-2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông Đà Nẵng tại Tờ trình số 79/TTr-STTTT ngày 23 tháng 11 năm 2010 về việc giải trình chỉnh sửa, bổ sung và phê duyệt Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tại thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2011-2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tại thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2011-2015.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các quận, huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ TT&TT (đề b/c);
- CT, các PCT UBND TP;
- VP: KTN, QLĐTư, KTTH;
- Lưu VT.

48



KẾ HOẠCH

Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tại thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2011-2015

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 9956 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2010
của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng)*

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Luật Công nghệ thông tin;
- Luật Giao dịch điện tử;
- Nghị định của Chính phủ số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Quyết định số 246/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược phát triển CNTT và TT Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020;
- Quyết định số 698/QĐ-TTg ngày 01/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt kế hoạch tổng thể phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020;
- Quyết định số 48/2009/QĐ-TTg ngày 31/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2009-2010;
- Quyết định số 50/2009/QĐ-TTg ngày 03/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành quy chế chương trình phát triển công nghiệp phần mềm và chương trình phát triển công nghiệp nội dung số Việt Nam;
- Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011-2015;
- Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 05/11/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc Tập trung đẩy mạnh hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước;
- Công văn số 491/BTTTT-UDCNTT ngày 25/2/2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Hướng dẫn xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước giai đoạn 2010-2015;
- Thông báo số 138/TB-TU ngày 7/9/2009 của Thành ủy Đà Nẵng về việc thông báo kết luận của Ban thường vụ thành ủy về việc tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT từ nay đến năm 2015, định hướng đến năm 2020;

- Căn cứ hiện trạng ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước thành phố Đà Nẵng.

II. HIỆN TRẠNG ỨNG DỤNG CNTT TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

1. Môi trường pháp lý:

Từ các chủ trương của Bộ Chính trị, Chính phủ, Thành ủy Đà Nẵng đã ban hành Nghị quyết 07-NQ/TU, ngày 03/10/2000 về Một số chủ trương phát triển công nghiệp phần mềm; Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 13/3/2003 về việc đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT đến năm 2010; Kết luận số 138-TB/TU, ngày 07/9/2009 của Ban Thường vụ số về việc Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT từ nay đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020, UBND thành phố Đà Nẵng đã tập trung công tác chỉ đạo, lãnh đạo như sau:

- Kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý Nhà nước về CNTT ở thành phố, thành lập “Ban Chỉ đạo ứng dụng và phát triển CNTT thành phố Đà Nẵng”, thường xuyên bổ sung nhân sự nhằm bảo đảm thực hiện trọn vẹn tinh thần chỉ đạo, lãnh đạo trong đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT. Trong đó, Chủ tịch UBND thành phố đã trực tiếp giữ vai trò Trưởng Ban Chỉ đạo ứng dụng và phát triển CNTT; các đồng chí Giám đốc Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các quận, huyện giữ vai trò thành viên.

Ngoài cơ quan chuyên môn quản lý về CNTT cấp thành phố, các Sở, Ban, ngành, quận, huyện có bộ phận chuyên trách về CNTT và có chức danh cán bộ lãnh đạo CNTT (CIO). Thủ trưởng các cấp, các ngành chịu trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND thành phố, Sở Nội vụ... để xây dựng kế hoạch, bố trí nguồn lực phù hợp tham gia đào tạo, đào tạo lại nhằm nâng cao trình độ quản lý cho cán bộ, công chức về công nghiệp CNTT tại địa phương; tổ chức các khóa đào tạo lãnh đạo CNTT (CIO) nhằm trang bị cho các cán bộ CNTT những kiến thức và kỹ năng cần thiết để quản lý các dự án CNTT ngày càng hiệu quả hơn.

- Tổ chức nghiên cứu các qui định, quy chế của Chính phủ, của thành phố về công tác văn thư lưu trữ, về cải cách thủ tục hành chính,... từ đó đã xây dựng, tổ chức lại các qui trình nghiệp vụ, bổ sung sửa đổi qui chế làm việc phù hợp với các qui định hiện hành, đề xuất, hiệu chỉnh lại các quy trình phục vụ cho công tác tin học hoá các hệ thống thông tin.

- Ban hành hệ thống văn bản pháp quy để quản lý thống nhất hoạt động CNTT trên địa bàn thành phố. Hàng năm, khảo sát và đánh giá hạ tầng CNTT-TT. Xây dựng các chương trình, giải pháp, kế hoạch các chương trình ứng dụng, phát triển CNTT của từng giai đoạn như: Quyết định 100/2006/QĐ-UBND,

ngày 03/11/2006 về việc “Phê duyệt Kế hoạch phát triển CNTT thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2006-2010”; Quyết định số 5626/2008/QĐ-UBND, ngày 14/7/2008 về việc phê duyệt Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tại thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2009-2010”; Quyết định số 4584/2009/QĐ-UBND, ngày 17/6/2009 về việc “Phê duyệt kế hoạch ứng dụng và phát triển CNTT thành phố Đà Nẵng năm 2009”, Chỉ thị số 13 CT-UBND ngày 05/11/2009 về việc tập trung đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, Quyết định số 3509/QĐ-UBND ngày 11/6/2010 về việc Phê duyệt Kế hoạch ứng dụng và phát triển Công nghệ thông tin thành phố Đà Nẵng năm 2010,... Các kế hoạch này hằng năm được điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với tình hình phát triển của công nghệ và bảo đảm theo đúng định hướng của Chính phủ và Bộ Thông tin và Truyền thông.

Chính việc tạo được môi trường pháp lý thuận lợi và mang tính định hướng, hoạch định chiến lược ứng dụng và phát triển CNTT đã góp phần thúc đẩy ngành Công nghiệp CNTT của thành phố phát triển mạnh mẽ trong những năm qua và luôn duy trì mức tăng trưởng trên 30%/ năm. Năm 2009, thành phố Đà Nẵng được Ban chỉ đạo quốc gia về ứng dụng CNTT xếp loại là địa phương dẫn đầu trong cả nước về mức độ sẵn sàng ứng dụng CNTT - TT (ICT-Index).

2. Hạ tầng kỹ thuật

Thành phố Đà Nẵng được đầu tư xây dựng trở thành đầu mối viễn thông quan trọng của quốc gia và quốc tế, tạo ra cho thành phố này một hạ tầng CNTT-TT có qui mô khá lớn và hiện đại. Đến nay, hạ tầng CNTT tại Đà Nẵng đã có những bước phát triển vượt bậc, được mở rộng theo hướng dịch vụ đa dạng, phong phú với chất lượng ngày càng cao.

Tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố, các đề án 112 và các đề án khác của thành phố đã hoàn thành 100% kết nối mạng cục bộ. Số lượng máy tính hiện nay tại các sở, ban ngành, quận, huyện đạt tỷ lệ 1,23 CBCC/máy.

Để bảo đảm cung cấp hạ tầng CNTT cho các cơ quan nhà nước, UBND thành phố đã tập trung đầu tư vào hạ tầng tại Khu Công viên phần mềm, đảm bảo yêu cầu thực hiện việc lưu ký, vận hành hơn 40 trang web chuyên ngành và các Hệ thống thông tin khác, phục vụ nhu cầu tin học hoá của các cơ quan nhà nước. Mạng trục thành phố được thiết lập bằng mạng truyền số liệu chuyên dùng và được triển khai đến 72 đơn vị từ Văn phòng UBND thành phố đến các sở, ngành, quận, huyện đã được đưa vào sử dụng cuối năm 2009 với đường truyền 100Mbps dùng Interenet trực tiếp. Đường truyền này cũng đủ mạnh để triển khai họp trực tuyến với Chính phủ, Bộ, ngành trung ương khi có yêu cầu.

Như vậy, hạ tầng CNTT-TT của thành phố đã có bước phát triển mới, bảo

đảm việc kết nối giữa các sở, ban ngành, quận huyện, các Ban Đảng và cơ quan Trung ương. Đây sẽ là nền tảng giúp triển khai hiệu quả các ứng dụng CNTT tại các đơn vị, từng bước góp phần đẩy mạnh tiến trình xây dựng chính quyền điện tử tại thành phố Đà Nẵng

3. Ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước

Việc triển khai ứng dụng CNTT tại các sở, ban, ngành, quận, huyện trên địa bàn thành phố, phục vụ và nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước, cung cấp thông tin và các dịch vụ công qua mạng cho các tổ chức, công dân đã có nhiều chuyển biến tích cực và thu được những kết quả quan trọng.

Trên cơ sở Quyết định 112/2001/QĐ-TTg ngày 25/7/2001 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tin học hóa quản lý hành chính Nhà nước giai đoạn 2001-2005, ngày 23/10/2001 UBND thành phố ban hành Quyết định số 165/2001/QĐ-UB thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện đề án tin học hóa quản lý hành chính Nhà nước giai đoạn 2001-2005 của thành phố Đà Nẵng và phê duyệt Đề án tin học hóa quản lý hành chính Nhà nước thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2002-2005, với tổng số vốn đầu tư là 63 tỷ đồng; thực hiện đầu tư hơn 39 tỷ đồng trong 5 năm (2002-2006).

Việc thực hiện Đề án trong giai đoạn này đã tạo ra diện mạo mới cho công tác ứng dụng CNTT tại các cơ quan nhà nước, tạo tiền đề quan trọng để đẩy mạnh công tác triển khai ứng dụng CNTT tại các sở, ban, ngành, quận, huyện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trong những năm về sau.

- Các phần mềm ứng dụng:

+ Phần mềm chuyên ngành: Từ đầu những năm 2000, các phần mềm quản lý thông thường đã được trên 94% các đơn vị đã cài đặt và đưa vào sử dụng như: Quản lý kế toán, Nhân sự,... Trên 70 phần mềm ứng dụng chuyên ngành được đầu tư và ứng dụng phục vụ cho công tác quản lý ngành và chuyên môn như: Phần mềm cấp giấy phép lái xe, quản lý phương tiện, quản lý hồ sơ thẩm định công trình; Phần mềm quản lý xử lý nước thải, chuyển đổi tọa độ, quản lý binh sai, quản lý quy hoạch sơ đồ giải thửa; Phần mềm Văn phòng không giấy, chữ ký điện tử, Phần mềm quản lý cấp giấy phép đầu tư, quản lý đăng ký kinh doanh ~~qua mạng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quản lý hành nghề y dược tư nhân, quản lý hồ sơ một cửa,...~~

Ngày 24/3/2008, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 43/2008/QĐ-TTg về việc Phê duyệt Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước năm 2008. Đà Nẵng là địa phương được chọn làm điểm triển khai 4 dự án từ nguồn vốn tài trợ của Chính phủ, gồm: Dự án Cổng thông tin điện tử thành phố Đà Nẵng; Hệ thống thư điện tử thành phố Đà Nẵng; Hệ thống giao ban điện tử đa phương tiện thành phố Đà Nẵng; Hệ thống thông tin

Quản lý văn bản và Điều hành thành phố Đà Nẵng... Đến nay các dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng.

+ Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành mới được xây dựng theo Quyết định 43/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ được tích hợp từ 2 hệ thống Quản lý văn bản và hồ sơ công việc và Trang Thông tin điện tử phục vụ điều hành của đề án 112 (đã sử dụng trong giai đoạn 2002-2008) đến nay đã được triển khai sử dụng tại tất cả các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện trong thành phố, tạo ra một bước tiến mới trong công tác tin học hóa văn phòng, góp phần tích cực cho công tác cải cách hành chính trên địa bàn thành phố.

+ Các hệ thống khác như: Thư điện tử; Giao ban điện tử đa phương tiện đã được đưa vào sử dụng, đến nay đã phát huy hiệu quả với 1.650 địa chỉ email của cán bộ công chức, viên chức được thiết lập, đáp ứng nhu cầu trao đổi thông tin, họp trực tuyến của UBND thành phố với các quận, huyện, sở, ngành.

- Xây dựng CSDL, bản đồ nền:

+ Đà Nẵng đã xây dựng được CSDL của cán bộ, công chức để phục vụ việc kết nối đăng nhập một lần cho các ứng dụng như hệ thống thư điện tử, hệ thống quản lý văn bản và điều hành, cổng thông tin điện tử của thành phố; CSDL chuyên ngành hộ tịch tại Sở Tư pháp, CSDL kinh tế xã hội tại Sở Kế hoạch và Đầu tư, qua đó, đã trích chọn, đồng bộ với CSDL dân cư tạo ra dữ liệu nền tảng phục vụ cho các ứng dụng khác, dự kiến đến năm 2011, Đà Nẵng sẽ đưa CSDL này vào hoạt động;

+ Hệ thống thông tin địa lý (GIS) bắt đầu triển khai xây dựng từ năm 2001. Đến nay, đã hoàn thành được CSDL nền bản đồ tỷ lệ 1/50.000 và 1/2.000 toàn thành phố. CSDL nền bản đồ tỷ lệ 1/2.000 đã được sử dụng để quản lý hệ thống điện chiếu sáng công cộng thành phố Đà Nẵng, tuy nhiên trong quá trình áp dụng bản đồ số vào công tác quản lý chuyên ngành đã phát sinh nhiều khó khăn do dữ liệu quá cũ so với thực tế và độ chính xác của dữ liệu số không cao.

- Ứng dụng các sản phẩm mã nguồn mở đã được quan tâm. Một số sở, ngành được chọn để triển khai thí điểm. Hiện nay, 100% máy tính của các cơ quan nhà nước sử dụng bộ gõ Tiếng Việt Unikey, các ứng dụng thông thường như văn phòng, trình duyệt, đã được các sở ban ngành quận huyện triển khai đều khắp, phần đầu đến cuối năm 2010 đạt tỷ lệ 25% của máy cán bộ, công chức, 40% máy của sở chuyên ngành được sử dụng 2 hệ điều hành là Windows và Linux và cài Softech Office.

- Hệ thống giao ban điện tử đa phương tiện tại Văn phòng UBND thành phố, 7 Quận huyện và 2 sở, ngành đã được xây dựng xong, bước đầu có thể triển khai thuận tiện các cuộc họp giao ban trực tuyến giữa UBND thành phố với các đơn vị trực thuộc.

4. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Hệ thống Cổng thông tin điện tử của thành phố (truy cập tại địa chỉ www.danang.vn hoặc www.danangcity.gov.vn) là kênh chính dùng để trao đổi thông tin giữa Người dân, Du khách và Doanh nghiệp với UBND thành phố. Tại đây, ngoài chức năng là đầu mối tổng hợp và cung cấp các thông tin điện tử cho người dân, các tổ chức, cá nhân có thể tiếp cận 25 dịch vụ công qua mạng (trong đó 18 dịch vụ công được xây dựng mới và 7 dịch vụ công được tích hợp từ các web chuyên ngành) đã được triển khai.

- Website chuyên ngành: Trang thông tin điện tử thành phố Đà Nẵng (nay đã liên kết với Cổng thông tin điện tử) ra đời từ đầu năm 2003 đã tạo ra một bước tiến đáng kể trong việc cải tiến phương thức cung cấp thông tin cho nhân dân và các nhà đầu tư, góp phần quảng bá hình ảnh thành phố Đà Nẵng trên Internet với các thông tin cần thiết về thành phố được cập nhật khá đầy đủ, phong phú. Đây là trang Web của cơ quan nhà nước được đánh giá là có số lần truy cập nhiều nhất Việt Nam theo ICT Outlook 2008.

Cùng với Cổng thông tin điện tử thành phố, 28 website của các sở, ban, ngành, quận huyện đã đi vào hoạt động nề nếp, cập nhật đầy đủ thông tin liên quan đến các hoạt động của các ngành, tích hợp trên 18 dịch vụ công ở mức 3, bước đầu đã mang lại hiệu quả khả quan, tạo điều kiện phục vụ cho người dân và doanh nghiệp, có thể tìm hiểu quy trình xử lý, tải các biểu mẫu hoặc đăng ký dịch vụ công qua mạng một cách nhanh chóng, thuận lợi.

- Các dịch vụ công:

+ Cổng giao tiếp Thương mại điện tử thành phố Đà Nẵng: do Sở Công Thương quản lý và điều hành, đi vào hoạt động từ tháng 01/2007 tại địa chỉ www.danang.biz.vn; Trang web về thị trường Công nghệ trên mạng hoạt động tại địa chỉ www.techmartdanang.vn và Hệ thống Đăng ký kinh doanh qua mạng thành phố Đà Nẵng của Sở Kế hoạch và Đầu tư, đi vào hoạt động từ tháng 7/2006 tại địa chỉ www.dkhd.danang.gov.vn, các hệ thống này là công cụ hỗ trợ cho các doanh nghiệp, người dân thực hiện các giao dịch trực tuyến, quảng bá sản phẩm, đồng thời tạo ra môi trường giúp cho các doanh nghiệp Đà Nẵng tìm kiếm cơ hội kinh doanh trên mạng;

+ Cổng thông tin việc làm và tuyển dụng thành phố Đà Nẵng tại địa chỉ www.vieclamdanang.net là nơi cung cấp thông tin về đào tạo, hướng nghiệp và giới thiệu việc làm,... cho người lao động trên địa bàn thành phố và người dân có thể tra cứu thông tin về tình trạng giải quyết hồ sơ trên các máy đa năng. Đối với hệ thống hỗ trợ kê khai thuế qua mạng của Cục thuế thành phố, doanh nghiệp có thể tải về để cài đặt trên các máy của đơn vị, trong đó hướng dẫn chi tiết thủ tục và thực hiện các nghiệp vụ về thuế phục vụ doanh nghiệp;

+ Hệ thống CSDL văn bản quy phạm pháp luật tại Trung tâm tích hợp dữ liệu: phục vụ cho việc tra cứu văn bản pháp quy của Trung ương và địa phương. Trong đó, văn bản Trung ương được cập nhật tự động từ CSDL văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, văn bản địa phương được cập nhật từ Văn phòng UBND (các văn bản từ năm 1997 đến nay), bước đầu đã cung cấp thông tin về các văn bản quy phạm pháp luật đến các tổ chức, cá nhân qua mạng Internet với tên miền <http://qppl.danang.gov.vn>;

+ Trong 2 năm 2008 và 2009, phần mềm một cửa, một cửa liên thông cấp xã phường đã được triển khai tại 56 xã phường của thành phố Đà Nẵng. Việc triển khai phần mềm đã tạo bước thay đổi có tính đột phá trong các quy trình giải quyết các thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại UBND phường, xã, tạo thêm các phương tiện để lãnh đạo thành phố dễ dàng kiểm tra tình hình giải quyết hồ sơ của công dân tại tất cả các xã, phường, hỗ trợ tổ chức, công dân dễ dàng tra cứu, tìm hiểu trạng thái hồ sơ của mình tại địa chỉ <http://motcua.danang.gov.vn>. Góp phần đặc lực vào quá trình thực hiện cải cách hành chính một cách toàn diện, củng cố lòng tin của nhân dân với các cơ quan hành chính Nhà nước.

+ Tháng 6/2010 dự án Thí điểm mô hình một cửa hiện đại tại Trung tâm hành chính quận Thanh Khê đã khánh thành đi vào sử dụng. Dự án đã tạo thêm các phương tiện để hỗ trợ tổ chức, công dân dễ dàng tra cứu, tìm hiểu trạng thái hồ sơ hoặc trao đổi thông tin với cơ quan hành chính trong quá trình giải quyết các hồ sơ, thủ tục hành chính.

- Xây dựng chính quyền điện tử:

Để chuẩn bị cho việc xây dựng Chính quyền điện tử, thành phố đã tiếp nhận tài trợ của Ngân hàng Thế giới (WB) thông qua Tiểu Dự án Phát triển CNTT và TT Việt Nam tại thành phố Đà Nẵng. Tiểu dự án này đã được UBND thành phố phê duyệt tại Quyết định 7615/QĐ-UBND ngày 30/9/2005 với tổng vốn đầu tư là 19,31 triệu USD.

Đến nay, sau 3 năm thực hiện, Ban quản lý dự án đã hoàn thành cơ bản công tác chuẩn bị đầu tư và đang triển khai các hạng mục chính nhằm xây dựng cơ sở hạ tầng và các ứng dụng CNTT-TT. Tiểu Dự án Phát triển CNTT và TT Việt Nam tại thành phố Đà Nẵng được Ngân hàng Thế giới và Bộ Thông tin và Truyền thông đánh giá là Tiểu dự án có nhiều tiến bộ nhất so với các tiểu dự án còn lại của Dự án Phát triển CNTT và TT Việt Nam (Bộ Thông tin và Truyền thông, thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh). Vì vậy, Đà Nẵng được Chính phủ và Ngân hàng Thế giới chấp thuận tăng vốn thêm 10 triệu USD, nâng tổng giá trị Tiểu dự án này lên 27,3 triệu USD (chưa kể vốn đối ứng).

Đây là dự án nhằm tạo ra nền tảng chính quyền điện tử cho thành phố trong giai đoạn 2011-2015

5. Hiện trạng về nguồn nhân lực ứng dụng CNTT

Trình độ của cán bộ nhân viên trong các cơ quan nhà nước liên quan đến hoạt động CNTT đang được cải thiện đáng kể. Tại hầu hết các đơn vị đều đã có ít nhất 1 biên chế chuyên trách về CNTT; trung bình 70% nhân lực biết sử dụng máy tính để soạn thảo văn bản; gần 80% nhân lực sử dụng máy tính để phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ; trên 50% nhân lực biết tác nghiệp trên mạng LAN, khai thác, sử dụng Internet phục vụ công việc của mình. Tuy nhiên vai trò của Cán bộ chuyên trách CNTT tại các sở, ngành quận huyện còn hạn chế, chưa có khả năng thuyết phục và đề xuất với lãnh đạo cao nhất của đơn vị về các vấn đề ứng dụng CNTT. Tính đến nay, nguồn nhân lực về CNTT tại các Sở, ban, ngành, quận huyện với số lượng 85 đại học, 24 cao đẳng, 79 trung cấp, 195 kỹ thuật viên và được phân bố không đồng đều tại các sở, ngành quận huyện, đội ngũ này tập trung chủ yếu tại Văn phòng UBND thành phố và Sở Thông tin và Truyền thông.

Cán bộ công chức cấp phó trưởng phòng trở lên, thường xuyên được bổ sung, cập nhật, rèn luyện các kỹ năng CNTT, thông qua các lớp đào tạo tin học A, B, C do thành phố tổ chức.

Tuy nhiên, nhân lực chuyên ngành CNTT tại một số đơn vị vẫn còn thiếu lại chủ yếu kiêm nhiệm, nên việc tiếp nhận, sử dụng, khai thác các chương trình ứng dụng và quản trị hệ thống mạng vẫn còn bất cập.

6. Hiện trạng công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin

- Về thiết bị: sử dụng thiết bị Firewall ASA5550 được cấu hình để cho phép hoặc không cho phép luồng dữ liệu vào ra hệ thống và thiết bị G2 được cấu hình để bảo mật hệ thống dữ liệu.

- Về phần mềm: sử dụng các công cụ PRTG Traffic Grapher để kiểm tra thông lượng và ASDM để quản trị ASA5550.

- Tất cả các Sở, Ban, ngành, UBND các quận huyện của thành phố đã xây dựng và ban hành quy chế vận hành hệ thống mạng nhằm đảm bảo an toàn, an ninh thông tin tại từng đơn vị.

~~7. Kinh phí triển khai các dự án ứng dụng CNTT chính trong các cơ quan nhà nước giai đoạn 2008-2010 và các dự án còn đang triển khai đến nay~~

Tổng kinh phí đầu tư để triển khai các ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước tại thành phố Đà Nẵng:

- Năm 2008: 5.617.000.000 đồng
- Năm 2009: 14.156.000.000 đồng
- Năm 2010: 19.480.000.000 đồng

Chi tiết các dự án xem tại Phụ lục 1 của Kế hoạch này.

8. Đánh giá chung

Thực tiễn thời gian qua cho thấy, ngành CNTT-TT của Đà Nẵng đã có tốc độ phát triển nhanh, đạt nhiều thành tựu đáng kể, có những đóng góp quan trọng, đang trở thành động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Doanh thu toàn ngành thông tin và truyền thông giai đoạn 2004 - 2009 đạt 16.215 tỷ đồng, trong đó năm 2009 đạt 5.700 tỷ đồng tăng 6,5 lần so với năm 2005, nộp ngân sách nhà nước 296 tỷ đồng tăng 10 lần so với năm 2005, tốc độ tăng trưởng bình quân toàn ngành là 63%/ năm.

Với phương châm: “CNTT là động lực thúc đẩy phát triển công nghiệp hóa - hiện đại hóa, đưa thành phố hướng tới phát triển bền vững” Đà Nẵng luôn có những chủ trương, chính sách và giải pháp cụ thể nhằm khuyến khích phát triển ứng dụng CNTT trong cộng đồng. Nhờ đó công tác ứng dụng và phát triển CNTT trên địa bàn thành phố ngày càng được xúc tiến mạnh mẽ, sôi động và mang lại những kết quả rất khả quan, thiết thực. Cùng kinh nghiệm: “Sự quan tâm của Lãnh đạo cơ quan là nhân tố quyết định sự sống còn của công tác ứng dụng CNTT trong quản lý” nên Đà Nẵng đã quán triệt triệt để tư tưởng “CNTT là mũi nhọn” đến toàn bộ giám đốc các Sở Ban Ngành, Chủ tịch UBND quận, huyện; nhờ đó, việc ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng luôn được Lãnh đạo cơ quan quan tâm thỏa đáng. Điều này góp phần rất lớn đến thành công trong công tác ứng dụng và phát triển CNTT tại thành phố.

Hạ tầng CNTT-TT của thành phố Đà Nẵng có quy mô khá lớn và hiện đại bởi Đà Nẵng được đầu tư xây dựng để trở thành đầu mối viễn thông quan trọng của quốc gia và quốc tế. Đà Nẵng là một trong 03 điểm kết cuối quan trọng nhất của mạng trung kế đường trục quốc gia và điểm kết nối trực tiếp quốc tế. Tại Đà Nẵng, 100% cơ quan nhà nước có kết nối Internet; 100% thôn, tổ có mạng lưới điện thoại hữu tuyến, vô tuyến và kết nối Internet; Khu Công viên phần mềm đã đi vào hoạt động hiệu quả; Khu Công nghiệp CNTT tập trung, Trung tâm dữ liệu (Data Center), Trung tâm giao dịch (Contact Center), Trung tâm đào tạo và nghiên cứu CNTT đang được khẩn trương xây dựng để đưa vào hoạt động,... Nhìn chung, hạ tầng CNTT-TT tại thành phố Đà Nẵng đã có những bước phát triển vượt bậc, đã được mở rộng theo hướng dịch vụ đa dạng, phong phú với chất lượng ngày càng cao tạo nền tảng cho công tác xây dựng chính quyền điện tử.

Ứng dụng CNTT trong các cơ quan Nhà nước, cơ quan Đảng, trong Doanh nghiệp, trong lĩnh vực giáo dục y tế và cộng đồng luôn được thành phố quan tâm và phát triển đồng bộ. Các phần mềm ứng dụng dùng chung và phần mềm chuyên ngành; các dự án trong Quyết định 43, 36 dịch vụ công mức 3 (18 dịch vụ công xây dựng mới trên Cổng Thông tin điện tử, 18 dịch vụ công trên

các Trang thông tin điện tử Sở ngành), dự án Thí điểm mô hình một cửa hiện đại tại trung tâm hành chính quận Thanh Khê đã phát huy hiệu quả thiết thực trong công tác hằng ngày tại các đơn vị, nâng cao năng suất, chất lượng công việc, mang nhiều thuận lợi đến cho người dân và đặc biệt là góp phần tích cực cho công tác cải cách hành chính trên địa bàn thành phố.

Ngoài việc xây dựng hạ tầng CNTT-TT, ứng dụng và phát triển CNTT, công tác đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực CNTT cũng được Lãnh đạo thành phố đặc biệt quan tâm. Hiện nay, nhờ các chính sách thu hút, nguồn lực CNTT trong cơ quan nhà nước tăng đáng kể, tăng số lượng CIO cũng như số lượng cán bộ chuyên trách CNTT đạt chất lượng. Hằng năm, các cơ sở đào tạo tại thành phố cho ra trường hơn 2500 sinh viên CNTT, cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu hiện tại của thành phố. Thành phố cũng luôn đầu tư xây dựng các chủ trương nhằm xây dựng nguồn lực CNTT phải đủ về số lượng, và đạt về chất lượng để đáp ứng được nhu cầu ứng dụng, phát triển CNTT và thị trường nhân lực CNTT đặc biệt khi Khu Công nghiệp CNTT tập trung đi vào hoạt động.

III. MỤC TIÊU ỨNG DỤNG CNTT TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

1. Mục tiêu tổng quát

- Ứng dụng CNTT phục vụ mục đích: đổi mới phương thức cung cấp thông tin và dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp, đưa các dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 3 hoặc 4 lên môi trường mạng, để người dân và doanh nghiệp có thể trao đổi thông tin, gửi/nhận hồ sơ, thanh toán phí dịch vụ, nhận kết quả dịch vụ qua mạng.

- Xây dựng, phát triển các cơ sở dữ liệu (CSDL) dùng chung. Từng bước tích hợp các hệ thống thông tin, tiếp tục xây dựng và mở rộng hệ thống thông tin và CSDL phục vụ quản lý, điều hành chung của cơ quan nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước nhằm xây dựng môi trường làm việc điện tử giữa các cơ quan nhà nước trên phạm vi toàn thành phố, sẵn sàng kết nối với các hệ thống của Quốc gia khi có điều kiện, tạo thói quen làm việc của cán bộ, công chức trên môi trường mạng và hệ thống thông tin trợ giúp, thay thế văn bản giấy.

- Góp phần cải cách hành chính, tạo ra một nền hành chính ngày càng công bằng, minh bạch và hiệu quả hơn, phục vụ tích cực cho tiến trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa thành phố.

2. Mục tiêu cụ thể

- Bảo đảm 100% các sở, ban, ngành; đoàn thể; UBND cấp quận/huyện, phường xã có mạng nội bộ (LAN) và được kết nối bằng cáp quang với mạng đô thị của thành phố;

- Tỷ lệ máy tính/cán bộ, công chức là: 1 máy/CBCC

- Xây dựng các cơ sở dữ liệu (CSDL) trọng điểm.

- Đến năm 2015, bảo đảm 100% các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản chỉ đạo điều hành của các đơn vị trên địa bàn thành phố được công khai trên môi trường mạng; 100% cán bộ, công chức, viên chức sử dụng thường xuyên hộp thư điện tử trong công việc.

- 100% các quận, huyện và 100% Sở, Ban, ngành triển khai ứng dụng “một cửa” hiện đại.

- 100% lãnh đạo quản lý được đào tạo kiến thức về ứng dụng CNTT trong hoạt động chỉ đạo điều hành; 100% cán bộ, công chức, viên chức sử dụng thành thạo máy tính và các ứng dụng khác trong công việc.

Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tại thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2011-2015 là:

a) Hạ tầng kỹ thuật

- Hạ tầng CNTT của thành phố theo hướng: Chủ động, làm chủ công nghệ, dịch vụ tốt, tự cân đối chi phí.

- Số máy tính trong cộng đồng dân cư đạt 0,5 máy tính/hộ.

- Số máy tính cơ quan nhà nước đạt 1 CBCC/máy.

- 70% hộ gia đình kết nối internet, triển khai chương trình quang hoá đến với các hộ gia đình tại các chung cư, các đô thị mới với tỷ lệ 60%.

- 100% thôn có Internet.

- 100% các cơ quan nhà nước (bao gồm xã phường) kết nối theo mạng đô thị MAN của thành phố.

- 100% các cơ quan nhà nước được sử dụng dịch vụ qua Trung tâm Dữ liệu và mạng MAN của thành phố.

b) Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước

- 100% các văn bản, tài liệu, công việc chính thức trao đổi được trao đổi nội bộ tại các sở ban ngành.

- 80% văn bản giữa các cơ quan nhà nước được trao đổi qua hệ thống Quản lý văn bản và điều hành hoặc trao đổi dưới dạng thư điện tử.

- 100% các xã/phường được cài đặt, sử dụng Hệ thống quản lý văn bản và

điều hành trên môi trường mạng để điều hành công việc.

- Hoàn thành xây dựng các CSDL chuyên ngành dùng chung: dân cư, kinh tế xã hội, giáo dục đào tạo, y tế, lao động-việc làm, doanh nghiệp để làm nền tảng phục vụ công tác quản lý nhà nước và cung cấp thông tin lên Cổng thông tin điện tử thành phố phục vụ nhân dân, tổ chức.

- Hoàn thành xây dựng hệ thống thông tin địa lý thành phố Đà Nẵng.

- Công Sở điện tử, quận/huyện điện tử, Phường/điện tử được triển khai trên diện rộng.

- Tích hợp các hệ thống thông tin quản lý liên ngành, tiến tới xây dựng hệ thống 1 cửa cấp thành phố.

c) Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

- 100% các dịch vụ công của đề án 30 (theo Quyết định 30/QĐ-TTg, ngày 10/1/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án Đơn giản hoá thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007 - 2010) được đưa lên mạng ứng dụng ở mức 2, 70% ứng dụng ở mức 3 và 25% ứng dụng ở mức 4.

- 40% các trường phổ thông sử dụng Học bạ điện tử.

- 30% công dân có hộ khẩu Đà Nẵng đủ độ tuổi theo quy định được đăng ký và cấp chứng minh nhân dân qua mạng.

- 50% số hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng được nộp qua mạng.

- 50% người dân khám chữa bệnh tại Bệnh viện Công có thể xem hồ sơ bệnh án qua mạng...

- 50% du khách đến lưu trú tại thành phố Đà Nẵng được đăng ký qua hệ thống lưu trú trực tuyến trên mạng.

d) Nguồn nhân lực cho ứng dụng CNTT

- 100% Cán bộ lãnh đạo sở, ngành, quận, huyện được đào tạo CIO.

- 100% phường xã, có cán bộ chuyên trách CNTT.

- 100% Cán bộ chuyên trách CNTT của các sở, ban, ngành, quận huyện được đào tạo về quản lý các dự án CNTT.

- 100% chuyên viên các quận, huyện và phường, xã đã có trình độ tin học cơ bản được đào tạo các khóa nghiệp vụ cơ bản và chuyên ngành về ứng dụng CNTT;

- Hằng năm 100% cán bộ chuyên trách CNTT được cập nhật, các công nghệ mới, kiến thức mới về phần mềm, phần cứng, an ninh mạng....

IV. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

Để đạt được các mục tiêu đã đề ra, thành phố phải tích cực thực hiện các công việc sau đây:

1. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật

- a) Kết nối mạng đô thị MAN cho các cơ quan Nhà nước đến cấp xã, phường.
- b) Nâng cấp, bảo trì và thường xuyên bảo đảm công tác an ninh thông tin.
- c) Triển khai hệ thống chứng thực điện tử và chữ ký số tại nội bộ các cơ quan quản lý Nhà nước của thành phố.
- d) Xây dựng và đưa vào sử dụng Trung tâm dữ liệu.
- e) Xây dựng và đưa vào sử dụng Trung tâm nghiên cứu và đào tạo CNTT.
- g) Xây dựng và đưa vào sử dụng Trung tâm giao dịch CNTT (phục vụ chính quyền điện tử).
- h) Nâng cấp, bảo trì, bổ sung hệ thống máy tính của các sở ban ngành.
- i) Đưa Internet về nông thôn

2. Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước

- a) Tổ chức, xây dựng, hoàn chỉnh kiến trúc hóa quy trình nghiệp vụ và quy trình tin học hóa dịch vụ công qua mạng từ kết quả của đề án 30.
- b) Hoàn thiện xây dựng mã số công dân (ID) và việc đưa vào ứng dụng trong CSDL dân cư.
- c) Xây dựng CSDL kinh tế xã hội.
- d) Xây dựng CSDL giáo dục và đào tạo của toàn thành phố.
- e) Xây dựng CSDL trong lĩnh vực y tế của toàn thành phố.
- g) Xây dựng CSDL trong lĩnh vực lao động - việc làm của toàn thành phố.
- h) Xây dựng CSDL Doanh nghiệp.
- i) ~~Xây dựng CSDL các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố.~~
- k) Xây dựng hệ thống thông tin địa lý thành phố Đà Nẵng.
- l) Xây dựng, nhân rộng hệ thống phường điện tử.
- m) Xây dựng, nhân rộng hệ thống quận điện tử.
- n) Triển khai diện rộng hệ thống Sở điện tử.
- o) Tích hợp các hệ thống thông tin quản lý liên ngành, tiến tới xây dựng hệ thống 1 cửa cấp thành phố;

p) Nghiên cứu, đầu tư mua bản quyền các phần mềm chuyên ngành.

q) Xây dựng mới, nâng cấp và hoàn thiện các ứng dụng CNTT phục vụ công tác quản lý chuyên ngành.

3. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

a) Xây dựng Cổng thông tin giáo dục đào tạo Đà Nẵng.

b) Xây dựng hệ thống Cấp chứng minh nhân dân qua mạng.

c) Nâng cấp hệ thống Hệ thống cấp giấy phép xây dựng qua mạng.

d) Triển khai dự án nâng cấp chuyển đổi chuẩn số hóa dữ liệu cho các thiết bị y tế.

e) Xây dựng hệ thống thông tin cảnh báo thiên tai.

g) Tiếp tục triển khai một số dịch vụ công mức 3 và mức 4 trong các lĩnh vực: Công nghiệp, Thương mại, Văn hóa, Thể thao, Du lịch, Y tế,...

h) Đưa lên Cổng thông tin điện tử thành phố các thông tin cơ bản trong CSDL dân cư, kinh tế xã hội, giáo dục, y tế, lao động - việc làm, CSDL nền GIS toàn thành phố để phục vụ nhu cầu tra cứu thông tin của người dân và doanh nghiệp;

i) Triển khai sử dụng thực tế hệ thống Tiếp dân trực tuyến nhằm tăng cường sự giao tiếp giữa chính quyền với người dân và doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả kênh tiếp nhận ý kiến góp ý của người dân trên môi trường mạng, tổ chức đối thoại trực tuyến, chuyên mục hỏi đáp trực tuyến về hoạt động của các cơ quan nhà nước.

k) Xây dựng Cổng thông tin Y tế.

l) Nâng cấp và triển khai diện rộng Hệ thống đăng ký lưu trú trực tuyến qua mạng.

m) Xây dựng hệ thống Cấp hộ chiếu điện tử.

n) Nâng cấp hệ thống Đấu thầu qua mạng.

4. Đào tạo nguồn nhân lực cho ứng dụng CNTT

a) Đẩy mạnh việc tuyên truyền, làm cho mọi cán bộ công chức đều nhận thức rõ rằng họ vừa là chủ nhân vừa là người chịu trách nhiệm triển khai các ứng dụng CNTT trong bộ máy nhà nước, chứ không phải các chuyên gia CNTT - những người phục vụ triển khai chương trình này.

b) Tập trung đào tạo các khóa nghiệp vụ cơ bản và chuyên ngành về ứng dụng CNTT cho chuyên viên các quận huyện và phường xã đã có trình độ tin học cơ bản.

c) Thực hiện đào tạo cho lãnh đạo các sở, ban, ngành, quận/huyện các khóa về quản lý và điều hành các dự án CNTT và được tham quan học tập, trao đổi kinh nghiệm trong lĩnh vực CNTT ở trong nước hoặc ở các nước có nền CNTT phát triển.

d) Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông trong công tác đào tạo nguồn nhân lực đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.

V. GIẢI PHÁP

1. Giải pháp chính sách

a) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức

- Tiếp tục tổ chức tuyên truyền rộng rãi thông qua các phương tiện truyền thông như: Đài Phát thanh - Truyền hình, báo Đà Nẵng, Trang Thông tin điện tử thành phố (danang.gov.vn), Cổng Thông tin điện tử thành phố (danangcity.gov.vn), Tạp chí Thông tin-Truyền thông (ictdanang.vn) cùng Trang thông tin điện tử các sở, ngành quận huyện, các trường đại học-cao đẳng... Khai thác tích cực các kênh truyền thông với sự đa dạng, phong phú và tần suất thường xuyên sẽ nâng cao nhận thức của người dân và Doanh nghiệp về lợi ích trong ứng dụng CNTT-TT.

- Đặc biệt chú trọng nâng cao, nhận thức của người dân trong việc khai thác và sử dụng CNTT-TT như là công cụ để tiếp cận nền kinh tế trí thức, nhằm hướng tới các ứng dụng lành mạnh, thiết thực, hiệu quả, góp phần hình thành xã hội thông tin, bảo đảm các điều kiện để chuẩn bị cho việc quản lý xã hội theo mô hình chính quyền điện tử.

b) Hoàn thiện cơ chế, chính sách

- Trong quá trình xây dựng các hệ thống văn bản, tăng cường xây dựng và ban hành các quy chế sử dụng và vận hành cho tất cả các Hệ thống ứng dụng CNTT đã triển khai; khuyến khích việc xã hội hóa trong công tác đầu tư các Hệ thống ứng dụng CNTT, có chính sách hỗ trợ cho các hoạt động phổ biến kiến thức và thông tin về ứng dụng CNTT trong toàn xã hội qua việc tổ chức các sự kiện CNTT, quảng bá và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng và qua các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

- Ban hành một số cơ chế đặc thù và chính sách đột phá: Ưu đãi về giá thuê đất, giá cho thuê mặt bằng, văn phòng tại các Khu CNTT tập trung. Ưu đãi về thuế cho các Doanh nghiệp đầu tư các ứng dụng CNTT phục vụ cho cộng đồng, nhất là các ứng dụng phục vụ cho ngành giáo dục và y tế.

- Ban hành các văn bản liên quan đến chính sách để thu hút nguồn nhân lực, nguồn chất xám của các chuyên gia CNTT-TT là kiều bào đang làm việc,

học tập từ các quốc gia có nền công nghiệp CNTT-TT phát triển.

- Xây dựng các chính sách, quy chế đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước theo TCVN ISO/IEC 27001:2009.

2. Giải pháp tài chính

Đa dạng hóa nguồn vốn để thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tại thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2011 - 2015 bao gồm: Hỗ trợ của Trung ương, đối ứng của địa phương, đầu tư của Doanh nghiệp, tiếp tục tìm kiếm nguồn vốn tài trợ từ các Quỹ phát triển, tổ chức phi chính phủ, và các tổ chức khác.

3. Giải pháp nhân lực

- Phối hợp 3 nhà (Nhà Trường, Nhà Tuyển Dụng và Cơ quan quản lý Nhà nước) đào tạo theo đơn đặt hàng của tổ chức, doanh nghiệp; đổi mới chương trình đào tạo; đưa chương trình tiếng Nhật vào các khoa CNTT của các trường trung cấp, cao đẳng, đại học trên địa bàn thành phố.

- Thống kê khảo sát đánh giá lại nguồn lực hiện có, chú ý đến số lượng sinh viên đang học tại các trường đại học nước ngoài và những người đang làm việc, giảng dạy về CNTT-TT tại các quốc gia. Tiếp tục đẩy mạnh chương trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực CNTT của địa phương; chú trọng việc đào tạo và thu hút chuyên gia CNTT có chất lượng cao, đặc biệt là đào tạo cán bộ lãnh đạo CNTT (CIO).

- Đặc biệt trong 5 năm đến cần đào tạo nguồn lực CNTT đủ về số lượng và đạt về chất lượng để đáp ứng cho các dự án ứng dụng CNTT của các cơ quan nhà nước và các dự án ứng dụng CNTT của Doanh nghiệp, nhất là các Doanh nghiệp thuộc lĩnh vực Ngân hàng, Tài chính, Viễn thông, Công nghệ thông tin, và các lĩnh vực công nghệ cao khác.

4. Giải pháp tổ chức và triển khai

a) Sở Thông tin và Truyền thông Đà Nẵng

- Hằng năm xây dựng và trình UBND thành phố kế hoạch triển khai các chương trình ứng dụng, phát triển công nghiệp CNTT bảo đảm theo nhu cầu và phù hợp với xu thế phát triển của Công nghệ;

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và UBND các quận/huyện, các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội, các Doanh nghiệp, các hội nghề nghiệp... xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, dự án ứng dụng, phát triển công nghiệp CNTT; lập kế hoạch đào tạo kỹ năng chuyên sâu cho CBCC, viên chức của thành phố;

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về ứng dụng, phát triển công

ngành CNTT trên địa bàn thành phố, quản lý các tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng thiết bị, công trình theo các chuẩn đã được ban hành; điều chỉnh, rà soát kế hoạch theo từng năm sao cho phù hợp với định hướng ở tầm vĩ mô của Bộ Thông tin và Truyền thông và Chính phủ; Phối hợp với Sở Tài chính quản lý các nguồn vốn ngân sách cho ứng dụng và phát triển CNTT.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư Đà Nẵng

- Bảo đảm kế hoạch nguồn kinh phí đầu tư cho các hệ thống ứng dụng, phát triển công nghiệp CNTT trên địa bàn;

- Xây dựng các chính sách huy động các nguồn vốn trong và ngoài nước; chính sách khuyến khích các Doanh nghiệp tăng đầu tư cho phát triển công nghiệp CNTT.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông cân đối, tổng hợp các nguồn lực trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và kế hoạch định kỳ hằng năm của thành phố cho các dự án, chương trình ứng dụng và phát triển CNTT.

c) Sở Tài chính Đà Nẵng

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông xác định tỷ lệ ngân sách hằng năm chi cho công nghiệp CNTT và bảo đảm kinh phí đầu tư cho các dự án phát triển công nghiệp CNTT trên địa bàn thành phố theo Luật CNTT và theo Quy hoạch, kế hoạch hằng năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

Tham mưu giúp UBND thành phố quyết định các cơ chế, chính sách huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài cho ứng dụng phát triển CNTT trên địa bàn.

d) Các Sở, Ban, ngành, UBND quận/huyện, mặt trận, đoàn thể

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT-TT trong công tác quản lý nhà nước và các ứng dụng chuyên ngành nhằm nâng cao hiệu quả công tác;

- Tích cực tham gia vào các đề án, dự án ứng dụng và phát triển công nghiệp CNTT theo sự phân công của UBND thành phố;

- Chủ trì thực hiện các dự án CNTT thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình, phối hợp với các cấp, ngành của thành phố để thực hiện các chương trình, dự án phát triển công nghiệp CNTT có liên quan, bảo đảm đầu tư và thực hiện một cách đồng bộ, thống nhất, theo đúng nội dung, tiến độ, đạt kết quả và hiệu quả cao.

e) Hội tin học, Hiệp hội Doanh nghiệp phần mềm

- Tích cực thực hiện chức năng phản biện xã hội, góp ý, kiến nghị với cơ

quan quản lý nhà nước chuyên ngành CNTT ở địa phương để giải quyết các vấn đề liên quan đến các chương trình, dự án ứng dụng và phát triển CNTT.

- Xây dựng cơ chế, quy chế liên kết giữa các thành viên trong các Hiệp hội; làm đầu mối liên hệ với các đối tác quốc tế như Singapore, Nhật bản, Mỹ... để tìm kiếm các giải pháp tốt phục vụ cho Chính phủ điện tử; hỗ trợ các doanh nghiệp tìm kiếm thị trường, xúc tiến các hợp đồng, phần đầu doanh thu phần mềm của các Hội, Hiệp hội có tốc độ tăng trưởng từ 30 đến 35%/năm. Trong đó, doanh thu xuất khẩu tăng bình quân từ 40 đến 45%/năm.

- Đề xuất các giải pháp, kinh nghiệm mà các Doanh nghiệp trong và ngoài Hiệp hội có thể cung cấp và xây dựng được để đảm bảo việc tự chủ trong việc ứng dụng CNTT cho các cơ quan nhà nước, Doanh nghiệp, cộng đồng dân cư.

g) Các doanh nghiệp

- Các Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực CNTT trên địa bàn thành phố chủ động thông qua Hiệp hội Doanh nghiệp phần mềm, Hội Tin học... tích cực tham gia góp ý, phản biện vào việc triển khai thực hiện kế hoạch ứng dụng và phát triển công nghiệp CNTT

- Căn cứ vào các chính sách của nhà nước, chủ trương của thành phố để xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với định hướng phát triển của ngành TT-TT và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

VI. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

Xem chi tiết tại Phụ lục 2 của Kế hoạch này.

VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí

- Ngân sách địa phương, nguồn vốn sự nghiệp CNTT hàng năm.
- Vốn ODA.
- Các nguồn vốn khác.

2. Dự kiến kinh phí

Dự kiến tổng kinh phí triển khai Kế hoạch: 398.650.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi tám tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng). Cụ thể:

| TT | Nội dung | Tổng kinh phí dự kiến (triệu đồng) |
|-----------|--|---|
| 1 | Xây dựng hạ tầng kỹ thuật | 219.000 |
| 2 | Ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước | 117.000 |
| 3 | Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp | 50.650 |

| | | |
|---|------------------------------------|----------------|
| 4 | Đào tạo nhân lực cho ứng dụng CNTT | 12.000 |
| | TỔNG CỘNG | 398.650 |

Kinh phí nêu trên được xem xét, phê duyệt cụ thể khi triển khai các dự án, nhiệm vụ và phù hợp với tình hình thực tế tại thành phố.

VIII. DANH MỤC DỰ ÁN

Xem chi tiết tại Phụ lục 3 của Kế hoạch này.

IX. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ CỦA KẾ HOẠCH

Việc triển khai Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tại thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2011-2015 sẽ mang lại những hiệu quả sau đây:

- Nâng cao hiệu lực và hiệu quả, không ngừng tăng cường tính công bằng, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương; góp phần tích cực phát triển kinh tế-xã hội của thành phố một cách nhanh và bền vững.

- Tăng cường cung cấp dịch vụ công qua mạng cho công dân, tổ chức, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí cho người dân.

- Cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin về hoạt động quản lý nhà nước của toàn thành phố. Giúp lãnh đạo có đầy đủ thông tin để xử lý công việc.

- Cán bộ công chức tại các cơ quan Nhà nước nói chung có được nguồn thông tin đầy đủ, dễ tra cứu, qua đó có thể đạt được hiệu suất công việc cao hơn.

- Góp phần thay đổi nhận thức của cán bộ, công chức về khả năng của CNTT trong hỗ trợ công tác quản lý, từng bước chuyển dần sang điều hành, tác nghiệp dựa trên các hệ thống thông tin đã được xây dựng.

- Tích lũy thêm kinh nghiệm trong vấn đề tin học hoá công tác quản lý hành chính Nhà nước trên địa bàn thành phố, góp phần tích cực cho việc xây dựng chính quyền điện tử (e-Government) của thành phố. /



Trần Văn Minh

Phụ lục 1:
CÁC ỨNG DỤNG CNTT CHÍNH TRONG CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2008-2010

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | Tên chương trình | Tổng mức đầu tư | Kinh phí và phân kỳ đầu tư | | | | | | | |
|-----------|---|-----------------|----------------------------|-----|----------|-----|----------|----|-----|-----|
| | | | Năm 2008 | | Năm 2009 | | Năm 2010 | | | |
| | | | TW | ĐP | TW | ĐP | TW | ĐP | | |
| I | Xây dựng hạ tầng kỹ thuật | | | | | | | | | |
| 1 | Trang bị máy tính cho Liên minh Hợp tác xã | 140 | | 140 | | | | | | |
| 2 | Kết nối ADSL đến 28 xã/phường | 80 | | | | 80 | | | | |
| 3 | Hệ thống giao ban đa phương tiện thành phố Đà Nẵng | 3,286 | | | 3,251 | | | | | 35 |
| II | Ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước | | | | | | | | | |
| 1 | Hệ thống quản lý văn bản và điều hành thành phố Đà Nẵng | 1,204 | | | 1,169 | | | | | 35 |
| 2 | Hệ thống thư điện tử thành phố Đà Nẵng | 656 | | | 621 | | | | | 35 |
| 3 | Hệ thống Công thông tin điện tử thành phố Đà Nẵng | 3,185 | | | 3,000 | | | | | 185 |
| 4 | Công thông tin điện tử du lịch thành phố Đà Nẵng | 500 | | | | | | | 500 | |
| 5 | Hệ thống tiếp dân trực tuyến thành phố Đà Nẵng | 448 | | | | | | | 448 | |
| 6 | Đường truyền và Hosting tại thành phố Đà Nẵng | 2,024 | | 312 | 1,262 | 200 | | | | 250 |
| 7 | Xây dựng, hiệu chỉnh, nâng cấp Website các Sở, ban, ngành, quận huyện của thành phố | 1,465 | | 815 | | 480 | | | | 170 |
| 8 | Triển khai ứng dụng quản lý trường học | 380 | | 200 | | | | | | 180 |
| 9 | Triển khai diện rộng phần mềm một cửa liên thông cấp xã phường | 650 | | 290 | | | | | | 360 |
| 10 | Xây dựng và triển khai đề án mô hình Văn phòng không giấy cấp Sở | 250 | | 250 | | | | | | |
| 11 | Ban Chỉ đạo CNTT thành phố | 160 | | 40 | | 60 | | | | 60 |
| 12 | Khảo sát hệ thống thông tin trên biển | 120 | | 120 | | | | | | |
| 13 | Xây dựng phần mềm quản lý năng lực, phương tiện hoạt động của nông, ngư dân | 300 | | 300 | | | | | | |
| 14 | Triển khai hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu hộ tịch | 1,000 | | 470 | | | | | | |
| 15 | Triển khai các ứng dụng phần mềm nguồn mở | 420 | | 380 | | 40 | | | | |
| 16 | Hệ thống thông tin quản lý tòa nhà Software Park Tower trên môi trường Web | 400 | | 400 | | | | | | |

| | | | | | | |
|------------|---|-------|-----|--|-------|-------|
| 17 | Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ công tác lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ thành phố | 220 | 220 | | | |
| 18 | Xây dựng CSDL Dân cư | 2,000 | | | 1,500 | 500 |
| 19 | Portal ngành Giáo dục | 200 | | | 200 | |
| 20 | Triển khai thử nghiệm chữ ký số | 50 | | | 50 | |
| 21 | Triển khai ứng dụng CNTT tại Liên hiệp hội văn học nghệ thuật | 170 | | | | 170 |
| 22 | Phần mềm Quản lý chế độ cho Gia đình chính sách và người có công (thí điểm quận Hải Châu) trên môi trường web | 50 | | | | 50 |
| 23 | Xây dựng phần mềm quản lý tái định cư trên môi trường Web | 160 | | | | 160 |
| 24 | Xây dựng Hệ thống quản lý dịch tễ từ cơ sở Phường xã, quận, huyện về Sở Y tế | 300 | | | | 300 |
| 25 | Xây dựng phần mềm quản lý đoàn ra, đoàn vào, viện trợ NGO,... | 190 | | | | 190 |
| 26 | Xây dựng Hệ thống quản lý chuyên ngành các trạm thu phát sóng (BTS) với ứng dụng GIS | 270 | | | | 270 |
| 27 | Xây dựng kế hoạch, đề án, qui chế đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước và thúc đẩy phát triển công nghiệp CNTT của thành phố | 280 | | | 150 | 130 |
| 28 | Phần mềm mô phỏng vận tải quy hoạch giao thông | 7,000 | | | | 7,000 |
| 29 | Hệ thống quản lý đất đai | 4,900 | | | | 4,900 |
| 30 | Thí điểm tin học hóa hệ thống một cửa tại quận Thanh Khê | 1,079 | | | 300 | 347 |
| 31 | Thí điểm mô hình công sở điện tử tại Sở Giao thông vận tải | 570 | | | 150 | 420 |
| 32 | Triển khai thí điểm Phường điện tử tại phường Thuận Phước trên nền tảng Hệ thống 1 cửa và Quản lý văn bản điều hành | 300 | | | | 300 |
| III | Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp | | | | | |
| 1 | Chương trình ứng dụng CNTT phục vụ nông thôn, nông dân | 500 | 200 | | 200 | 100 |
| 2 | Chương trình ứng dụng CNTT nâng cao năng lực cho người khuyết tật | 170 | 170 | | | |
| 3 | Triển khai hệ thống thông tin hướng dẫn du lịch và các dịch vụ qua màn hình cảm biến trên môi trường đa ngữ | 1,000 | 410 | | | |
| 4 | Xây dựng hệ thống quản lý cấp giấy phép xây dựng qua mạng | 480 | 300 | | | 180 |
| 5 | Xây dựng dịch vụ công mức 3 cho các Sở, ban, ngành, quận huyện | 450 | | | 135 | 315 |
| 6 | Xây dựng hệ thống lưu trữ trực tuyến | 330 | | | | 330 |

| | | | | | | | | |
|-----------|--|-------|-----|-----|-----|-----|-----|-----|
| 7 | Xây dựng CSDL phục vụ Công thông tin điện tử | 780 | | | | | | 780 |
| IV | Đào tạo nguồn nhân lực | | | | | | | |
| 1 | Đào tạo kỹ năng công nghệ thông tin cho cán bộ công chức của thành phố Đà Nẵng | 828 | | | 828 | | | |
| 2 | Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng CNTT phục vụ hội nhập và phát triển | 1,050 | 100 | 250 | 100 | 250 | 100 | 250 |
| 3 | Hỗ trợ doanh nghiệp CNTT nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phát triển công nghiệp phần mềm | 550 | | 250 | | | | 300 |
| 4 | Chuyển đổi sử dụng Windows sang phần mềm nguồn mở và tổ chức đào tạo sử dụng phần mềm nguồn mở cho cán bộ kỹ thuật nhằm thúc đẩy phát triển phần mềm nguồn mở tại thành phố Đà Nẵng năm 2010 | 260 | | | 130 | | 130 | |

Phụ lục 2:
LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG CỦA KẾ HOẠCH

| STT | Nội dung chính | Kết quả cần đạt được (2011-2015) | Dự kiến kết quả | | | | | |
|-----|----------------------------------|---|--|------|------|------|---|---|
| | | | 2011 | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 | |
| 1 | Xây dựng hạ tầng kỹ thuật | Đến năm 2015: Hạ tầng CNTT của thành phố theo hướng: Chủ động, làm chủ công nghệ, dịch vụ tốt, tự cân đối chi phí. | | | | | | Hạ tầng CNTT của thành phố được đầu tư và vận hành đáp ứng đủ theo nhu cầu ứng dụng CNTT với nguyên tắc: Chủ động, làm chủ công nghệ, dịch vụ tốt, tự cân đối chi phí; Bảo đảm để thu hút đầu tư phát triển Công nghiệp CNTT. |
| | | Số máy tính trong cộng đồng dân cư đạt 0,5 máy tính/hộ. | | | | | Số máy tính trong cộng đồng dân cư đạt 0,5 máy tính/hộ. | |
| | | Số máy tính cơ quan nhà nước đạt 1 CBCC/máy. | Số máy tính cơ quan nhà nước đạt 1 CBCC/máy. | | | | | |

| | | | | | | |
|--|---|--|---|--|--|---|
| | 70% hộ gia đình kết nối internet, triển khai chương trình quang hoá đến với các hộ gia đình tại các các chung cư, các đô thị mới với tỷ lệ 60%. | | 50% hộ gia đình kết nối internet, triển khai chương trình quang hoá đến với các hộ gia đình tại các các chung cư, các đô thị mới với tỷ lệ 60%. | | 70% hộ gia đình kết nối internet. | |
| | 100% Doanh nghiệp Công ty cổ phần, Liên doanh, TNHH có kết nối Internet. | 80% Doanh nghiệp Công ty cổ phần, Liên doanh, TNHH có kết nối Internet. | | 100% Doanh nghiệp Công ty cổ phần, Liên doanh, TNHH có kết nối Internet. | | |
| | 100% thôn có Internet | 40% thôn có Internet. | 60% thôn có Internet. | 80% thôn có Internet. | 90% thôn có Internet. | 100% thôn có Internet. |
| | 100% các cơ quan nhà nước (bao gồm xã phường) kết nối theo mạng đô thị MAN của thành phố. | 56 xã, phường được kết nối mạng đô thị MAN của thành phố. | | | | |
| | 100% các cơ quan nhà nước được sử dụng dịch vụ qua Trung tâm Dữ liệu và mạng MAN của thành phố. | 40% các cơ quan nhà nước được sử dụng dịch vụ qua Trung tâm Dữ liệu và mạng MAN của thành phố. | 60% các cơ quan nhà nước được sử dụng dịch vụ qua Trung tâm Dữ liệu và mạng MAN của thành phố. | 80% các cơ quan nhà nước được sử dụng dịch vụ qua Trung tâm Dữ liệu và mạng MAN của thành phố. | 90% các cơ quan nhà nước được sử dụng dịch vụ qua Trung tâm Dữ liệu và mạng MAN của thành phố. | 100% các cơ quan nhà nước được sử dụng dịch vụ qua Trung tâm Dữ liệu và mạng MAN của thành phố. |

| | | | | | | | |
|---|--|---|---|---|---|---|--|
| 2 | Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước | Đến năm 2015: 100% các văn bản, tài liệu, công việc chính thức trao đổi được trao đổi nội bộ tại các sở ban ngành. | 80% các văn bản, tài liệu, công việc chính thức trao đổi được trao đổi nội bộ tại các sở ban ngành. | 90% các văn bản, tài liệu, công việc chính thức trao đổi được trao đổi nội bộ tại các sở ban ngành. | 100% các văn bản, tài liệu, công việc chính thức trao đổi được trao đổi nội bộ tại các sở ban ngành. | | |
| | | 80% văn bản giữa các cơ quan nhà nước được trao đổi qua hệ thống QLVB hoặc trao đổi dưới dạng thư điện tử. | 70% văn bản giữa các cơ quan nhà nước được trao đổi qua hệ thống QLVB hoặc trao đổi dưới dạng thư điện tử. | 80% văn bản giữa các cơ quan nhà nước được trao đổi qua hệ thống QLVB hoặc trao đổi dưới dạng thư điện tử. | | | |
| | | 100% các xã/phường được cài đặt, sử dụng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng để điều hành công việc. | 40% các xã, phường được cài đặt, sử dụng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng để điều hành công việc. | 55% các xã, phường được cài đặt, sử dụng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng để điều hành công việc. | 75% các xã, phường được cài đặt, sử dụng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng để điều hành công việc. | 90% các xã, phường được cài đặt, sử dụng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng để điều hành công việc. | 100% các xã, phường được cài đặt, sử dụng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng để điều hành công việc. |

| | | | | | | | |
|--|--|---|---|---|--|--|--|
| | | 100% cán bộ, công chức, viên chức sử dụng thường xuyên hộp thư điện tử trong công việc. | 80% CBCC sở ngành quận huyện; 50% CBCC xã, phường sử dụng thường xuyên hộp thư điện tử trong công việc. | 90% CBCC sở ngành quận huyện; 65% CBCC xã, phường sử dụng thường xuyên hộp thư điện tử trong công việc. | 90% CBCC sở ngành quận huyện; 75% CBCC xã/phường sử dụng thường xuyên hộp thư điện tử trong công việc. | 95% CBCC sở ngành quận huyện; 85% CBCC xã/phường sử dụng thường xuyên hộp thư điện tử trong công việc. | 100% CBCC sở ngành quận huyện; 100% CBCC xã/phường sử dụng thường xuyên hộp thư điện tử trong công việc. |
| | | Hoàn thành xây dựng các CSDL chuyên ngành dùng chung: dân cư, kinh tế xã hội, giáo dục đào tạo, y tế, lao động-việc làm, doanh nghiệp để làm nền tảng phục vụ công tác quản lý nhà nước và cung cấp thông tin lên Cổng thông tin điện tử thành phố phục vụ nhân dân, tổ chức. | Hoàn thành CSDL Dân cư, kinh tế xã hội. | Hoàn thành CSDL doanh nghiệp | Hoàn thành CSDL y tế. | Hoàn thành CSDL giáo dục đào tạo | Hoàn thành CSDL lao động-việc làm. |
| | | Hoàn thành xây dựng hệ thống thông tin địa lý thành phố Đà Nẵng. | | | | | Hoàn thành xây dựng hệ thống thông tin địa lý thành phố Đà Nẵng. |

| | | | | | | | |
|---|--|--|---|--|--|--|--|
| | | 70% các mô hình Công Sở điện tử, quận/huyện điện tử, Phường/điện tử được triển khai diện rộng | 30% các mô hình Công Sở điện tử, quận/huyện điện tử, Phường/điện tử được triển khai diện rộng. | 45% các mô hình Công Sở điện tử, quận/huyện điện tử, Phường/điện tử được triển khai diện rộng. | 60% các mô hình Công Sở điện tử, quận/huyện điện tử, Phường/điện tử được triển khai diện rộng. | 70% các mô hình Công Sở điện tử, quận/huyện điện tử, Phường/điện tử được triển khai diện rộng. | |
| | | | 20% Sở ngành được triển khai Công Sở điện tử. | 40% Sở ngành được triển khai Công Sở điện tử. | 60% Sở ngành được triển khai Công sở điện tử. | 80% Sở ngành được triển khai Công Sở điện tử. | 100% Sở ngành được triển khai Công Sở điện tử. |
| | | - Tích hợp các hệ thống thông tin quản lý liên ngành, tiến tới xây dựng hệ thống 1 cửa cấp thành phố. | 100% quận huyện được triển khai hệ thống 1 cửa. | | | | Hoàn thành hệ thống 1 cửa cấp thành phố. |
| 3 | Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp | Đến năm 2015: 100% các dịch vụ công của đề án 30 được đưa lên mạng ứng dụng ở mức 2, 70% ứng dụng ở mức 3 và 25% ứng dụng ở mức 4. | 100% các dịch vụ công của đề án 30 được đưa lên mạng ứng dụng ở mức 2, 30% ứng dụng ở mức 3 và 5% ứng dụng ở mức 4. | 40% ứng dụng ở mức 3 và 10% ứng dụng ở mức 4. | 50% ứng dụng ở mức 3 và 15% ứng dụng ở mức 4. | 60% ứng dụng ở mức 3 và 20% ứng dụng ở mức 4. | 70% ứng dụng ở mức 3 và 25% ứng dụng ở mức 4. |

| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | 40% các trường phổ thông sử dụng Học bạ điện tử. | 20% các trường phổ thông sử dụng Học bạ điện tử. | 40% các trường phổ thông sử dụng Học bạ điện tử. | | | |
| | | 30% công dân có hộ khẩu Đà Nẵng đủ độ tuổi theo quy định được đăng ký và cấp chứng minh nhân dân qua mạng. | | | 10% công dân có hộ khẩu Đà Nẵng đủ độ tuổi theo quy định được đăng ký và cấp chứng minh nhân dân qua mạng. | 20% công dân có hộ khẩu Đà Nẵng đủ độ tuổi theo quy định được đăng ký và cấp chứng minh nhân dân qua mạng. | 30% công dân có hộ khẩu Đà Nẵng đủ độ tuổi theo quy định được đăng ký và cấp chứng minh nhân dân qua mạng. |
| | | 50% số hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng được nộp qua mạng. | 10% số hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng được nộp qua mạng. | 20% số hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng được nộp qua mạng. | 30% số hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng được nộp qua mạng. | 40% số hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng được nộp qua mạng. | 50% số hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng được nộp qua mạng. |
| | | 50% người dân khám chữa bệnh tại Bệnh viện Công có thể xem hồ sơ bệnh án qua mạng... | | 20% người dân khám chữa bệnh tại Bệnh viện Công có thể xem hồ sơ bệnh án qua mạng... | 30% người dân khám chữa bệnh tại Bệnh viện Công có thể xem hồ sơ bệnh án qua mạng... | 40% người dân khám chữa bệnh tại Bệnh viện Công có thể xem hồ sơ bệnh án qua mạng... | 50% người dân khám chữa bệnh tại Bệnh viện Công có thể xem hồ sơ bệnh án qua mạng... |

| | | | | | | | |
|---|--|---|--|--|--|--|--|
| | | 50% du khách đến lưu trú tại thành phố Đà Nẵng được đăng ký qua hệ thống lưu trú trực tuyến trên mạng. | 10% du khách đến lưu trú tại Tp. Đà Nẵng được đăng ký qua hệ thống lưu trú trực tuyến trên mạng. | 20% du khách đến lưu trú tại Tp. Đà Nẵng được đăng ký qua hệ thống lưu trú trực tuyến trên mạng. | 30% du khách đến lưu trú tại Tp. Đà Nẵng được đăng ký qua hệ thống lưu trú trực tuyến trên mạng. | 40% du khách đến lưu trú tại Tp. Đà Nẵng được đăng ký qua hệ thống lưu trú trực tuyến trên mạng. | 50% du khách đến lưu trú tại các cơ sở lưu trú của Tp. Đà Nẵng được đăng ký qua hệ thống lưu trú trực tuyến trên mạng. |
| 4 | Đào tạo nguồn nhân lực cho ứng dụng CNTT | Đến năm 2015: 100 % Cán bộ lãnh đạo sở ngành quận huyện được đào tạo CIO. | 40% Đào tạo CIO cho lãnh đạo. | 60% Đào tạo CIO cho lãnh đạo. | 75% Đào tạo CIO cho lãnh đạo. | 85% Đào tạo CIO cho lãnh đạo. | 100% Đào tạo CIO cho lãnh đạo. |
| | | 100% phường xã, có cán bộ chuyên trách CNTT. | 40% phường xã, có cán bộ chuyên trách CNTT. | 60% phường xã, có cán bộ chuyên trách CNTT. | 70% phường xã, có cán bộ chuyên trách CNTT. | 80% phường xã, có cán bộ chuyên trách CNTT. | 100% phường xã, có cán bộ chuyên trách CNTT. |
| | | 100% Cán bộ chuyên trách CNTT của các sở ngành quận huyện được đào tạo về quản lý các dự án CNTT. | 50% Cán bộ chuyên trách CNTT của các sở ngành quận huyện được đào tạo về quản lý các dự án CNTT. | 60% Cán bộ chuyên trách CNTT của các sở ngành quận huyện được đào tạo về quản lý các dự án CNTT. | 70% Cán bộ chuyên trách CNTT của các sở ngành quận huyện được đào tạo về quản lý các dự án CNTT. | 80% Cán bộ chuyên trách CNTT của các sở ngành quận huyện được đào tạo về quản lý các dự án CNTT. | 100% Cán bộ chuyên trách CNTT của các sở ngành quận huyện được đào tạo về quản lý các dự án CNTT. |
| | | 100% chuyên viên các quận huyện và phường xã đã có trình độ tin học cơ bản được đào tạo các khóa nghiệp vụ cơ bản và chuyên ngành | 55% chuyên viên các quận huyện và phường xã đã có trình độ tin học cơ bản được đào tạo | 70% chuyên viên các quận huyện và phường xã đã có trình độ tin học cơ bản được đào tạo | 80% chuyên viên các quận huyện và phường xã đã có trình độ tin học cơ bản được đào tạo | 90% chuyên viên các quận huyện và phường xã đã có trình độ tin học cơ bản được đào tạo | 100% chuyên viên các quận huyện và phường xã đã có trình độ tin học cơ bản được đào tạo các khóa nghiệp vụ cơ bản và |

| | | | | | | | |
|--|--|---|---|--|---|--|--|
| | | về ứng dụng CNTT; | các khóa nghiệp vụ cơ bản và chuyên ngành về ứng dụng CNTT; | các khóa nghiệp vụ cơ bản và chuyên ngành về ứng dụng CNTT; | các khóa nghiệp vụ cơ bản và chuyên ngành về ứng dụng CNTT; | các khóa nghiệp vụ cơ bản & chuyên ngành về ứng dụng CNTT; | chuyên ngành về ứng dụng CNTT; |
| | | Hàng năm 100% cán bộ chuyên trách CNTT được cập nhật, các công nghệ mới, kiến thức mới về phần mềm, phần cứng, an ninh mạng.... | Hàng năm 100% cán bộ chuyên trách CNTT được cập nhật, các công nghệ mới, kiến thức mới về phần mềm, phần cứng, an ninh mạng.... | Hàng năm 100% cán bộ chuyên trách CNTT được cập nhật, các công nghệ mới, kiến thức mới về phần mềm, phần cứng, an ninh mạng... | Hàng năm 100% cán bộ chuyên trách CNTT được cập nhật, các công nghệ mới, kiến thức mới về phần mềm, phần cứng, an ninh mạng.... | Hàng năm 100% cán bộ chuyên trách CNTT được cập nhật, các công nghệ mới, kiến thức mới về phần mềm, phần cứng, an ninh mạng... | Hàng năm 100% cán bộ chuyên trách CNTT được cập nhật, các công nghệ mới, kiến thức mới về phần mềm, phần cứng, an ninh mạng... |

**Phụ lục 3:
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CỦA KẾ HOẠCH**

Đơn vị tính: triệu đồng

| TT | Tên dự án | Cơ quan chủ trì | Mục tiêu dự án | Thời gian thực hiện | Dự trù kinh phí | Phân kỳ đầu tư | | | | |
|----|---|------------------------------|--|---------------------|-----------------|----------------|-------|-------|-------|-------|
| | | | | | | 2011 | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 |
| I | Xây dựng hạ tầng kỹ thuật | | | | 219.000 | 200.800 | 1.300 | 1.200 | 1.100 | 1.100 |
| 1 | Kết nối mạng đô thị MAN | Sở Thông tin và Truyền thông | Kết nối mạng đô thị MAN cho các cơ quan Nhà nước đến cấp xã, phường. | 2011 | 100.000 | 100.000 | | | | |
| 2 | Nâng cấp, bảo trì công tác an ninh mạng và bảo mật | Sở Thông tin và Truyền thông | Nâng cấp, bảo trì công tác an ninh mạng và bảo mật cho hệ thống Hosting. | 2011-2015 | 3.000 | 1.000 | 500 | 500 | 500 | 500 |
| 3 | Xây dựng và đưa vào sử dụng Trung tâm dữ liệu | Sở Thông tin và Truyền thông | Xây dựng kho dữ liệu của thành phố, có chức năng tích hợp, quản lý, khai thác có hiệu quả cơ sở dữ liệu, tài nguyên thông tin của các sở ban ngành quận huyện của thành phố Đà Nẵng trên cơ sở đảm bảo sự an toàn dữ liệu. | 2011 | 60.000 | 60.000 | | | | |
| 4 | Xây dựng và đưa vào sử dụng Trung tâm nghiên cứu và đào tạo | Sở Thông tin và Truyền thông | - Thực hiện nhiệm vụ đào tạo và phát triển nguồn nhân lực CNTT-TT phục vụ cho việc thực hiện chính quyền điện tử trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. - Nghiên cứu các công nghệ mới trong lĩnh vực CNTT-TT để đào tạo nâng cao chất lượng nguồn | 2011 | 15.000 | 15.000 | | | | |

| | | | | | | | | | | |
|---|--|------------------------------|--|-----------|--------|--------|-----|-----|-----|-----|
| | | | nhân lực và có thể đưa vào ứng dụng trong thực tiễn, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội của thành phố. | | | | | | | |
| 5 | Xây dựng và đưa vào sử dụng Trung tâm giao dịch CNTT | Sở Thông tin và Truyền thông | - Cầu nối cung cấp dịch vụ công qua mạng; giúp người dân và doanh nghiệp truy vấn về tình trạng xử lý hồ sơ của các sở, ban, ngành quận huyện tại Cổng thông tin điện tử của thành phố.- Cung cấp và giải đáp mọi thông tin có liên quan đến các lĩnh vực kinh tế xã hội và đời sống của người dân thành phố Đà Nẵng.- Xây dựng trung tâm giao tiếp điện tử giữa chính quyền và người dân tại thành phố Đà Nẵng. | 2011 | 20.000 | 20.000 | | | | |
| 6 | Nâng cấp, bảo trì, bổ sung thiết bị CNTT | Sở Thông tin và Truyền thông | Nâng cấp, bảo trì, bổ sung hệ thống máy tính của Sở ban ngành | 2011-2015 | 5.000 | 4.000 | 250 | 250 | 250 | 250 |
| 7 | Đưa Internet về nông thôn | Sở Thông tin và Truyền thông | Cung cấp phương tiện và đào tạo để người dân nông thôn sử dụng máy tính và Internet để tiếp cận thông tin khoa học kỹ thuật tiên tiến phục vụ sản xuất và đời sống | 2011-2015 | 1.000 | 300 | 300 | 200 | 100 | 100 |
| 8 | Xây dựng hệ thống chứng thực điện tử và chữ ký số | Sở Thông tin và Truyền thông | Triển khai hệ thống chứng thực điện tử và chữ ký số tại nội bộ các cơ quan quản lý Nhà nước của thành phố. | 2011-2012 | 15.000 | 500 | 250 | 250 | 250 | 250 |

| II | | Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước | | | 117.000 | 34.400 | 27.800 | 30.100 | 15.000 | 9.700 |
|----|--|--|---|-----------|---------|--------|--------|--------|--------|-------|
| 1 | Xây dựng hệ thống thông tin địa lý thành phố Đà Nẵng | Sở Thông tin và Truyền thông | Xây dựng CSDL bản đồ nền thành phố tỷ lệ ít nhất 1/500 | 2011-2012 | 10.000 | 5.000 | 5.000 | | | |
| | | | Xây dựng bản đồ lớp giao thông và CSDL | 2013-2014 | 5.000 | | | 3.000 | 2.000 | |
| | | | Xây dựng bản đồ lớp chiếu sáng và CSDL | 2013-2014 | 5.000 | | | 3.000 | 2.000 | |
| | | | Xây dựng bản đồ lớp thoát nước và CSDL | 2013-2014 | 5.000 | | | 3.000 | 2.000 | |
| | | | Xây dựng bản đồ lớp công viên, cây xanh và CSDL | 2013-2014 | 3.000 | | | 2.000 | 1.000 | |
| | | | Xây dựng bản đồ lớp công trình kiến trúc và CSDL | 2013-2014 | 5.000 | | | 3.000 | 2.000 | |
| | | | Xây dựng bản đồ lớp hạ tầng Thông tin | 2011-2013 | 3.000 | 1.500 | 1.000 | 500 | | |
| | | | Xây dựng Hệ thống GIS trên bản đồ nền với các lớp thông tin giao thông, chiếu sáng, thoát nước... | 2015 | 5.000 | | | | | |
| 2 | Xây dựng chỉ số ID công dân | Sở Thông tin và Truyền thông | Hoàn thiện xây dựng chỉ số ID công dân và đưa vào ứng dụng trong CSDL dân cư | 2011 | 500 | 500 | | | | |
| 3 | Xây dựng CSDL kinh tế xã hội | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Hiệu chỉnh, bổ sung CSDL chuyên ngành kinh tế xã hội | 2011 | 2.000 | 2.000 | | | | |
| 4 | Xây dựng CSDL giáo dục và đào tạo | Sở Giáo dục và Đào tạo | Xây dựng CSDL chuyên ngành giáo dục và đào tạo của toàn thành phố | 2014 | 2.000 | | | | 2.000 | |
| 5 | Xây dựng CSDL y tế | Sở Y tế | Xây dựng CSDL chuyên ngành trong lĩnh vực y tế của toàn thành phố | 2013 | 5.000 | | | 5.000 | | |

| | | | | | | | | | | |
|----|--|------------------------------|---|-----------|-------|-------|-------|-------|--|-------|
| 6 | Xây dựng CSDL lao động - việc làm | Sở LĐ-TB và XH | Xây dựng CSDL chuyên ngành trong lĩnh vực lao động - việc làm của toàn thành phố | 2015 | 2.000 | | | | | 2.000 |
| 7 | Xây dựng CSDL Doanh nghiệp | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Xây dựng CSDL chuyên ngành Doanh nghiệp | 2012 | 2.000 | | 2.000 | | | |
| 8 | Xây dựng CSDL dự án đầu tư | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Xây dựng CSDL chuyên ngành các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố | 2011 | 500 | 500 | | | | |
| 9 | Tổ chức, Xây dựng, hoàn chỉnh kiến trúc hóa quy trình nghiệp vụ và Quy trình tin học hóa dịch vụ công qua mạng từ kết quả của đề án 30 | Sở Thông tin và Truyền thông | Số hóa 100% quy trình, biểu mẫu, hướng dẫn các thủ tục hành chính kết quả của đề án 30 | 2011 | 3.000 | 3.000 | | | | |
| | | | Chuyển đổi quy trình nghiệp vụ thành quy trình tin học hóa | 2011-2013 | 5.000 | 2.000 | 2.000 | 1.000 | | |
| | | | Phân loại, thống kê, lựa chọn các dịch vụ công qua mạng của sở ngành quận, huyện | 2011-2012 | 3.000 | 2.000 | 1.000 | | | |
| | | | Mức áp dụng, lộ trình triển khai các dịch vụ công qua mạng của sở ngành quận, huyện | | | | | | | |
| 10 | Xây dựng, nhân rộng hệ thống phường điện tử | UBND quận, huyện liên quan | Hiệu chỉnh, cài đặt Hệ thống thông tin quản lý văn bản và điều hành dành cho 56 xã phường liên thông văn bản với quận, huyện | 2011-2012 | 3.000 | 2.000 | 1.000 | | | |
| | | | Nâng cấp Hệ thống 1 cửa dành cho xã phường, tích hợp Hệ thống thông tin quản lý văn bản và điều hành liên thông với quận, huyện | 2011-2012 | 3.000 | 2.000 | 1.000 | | | |
| | | | Xây dựng hệ thống Kios tra cứu thông tin tại 56 xã phường | 2011-2012 | 5.000 | 3.000 | 2.000 | | | |

| | | | | | | | | | | |
|-------------------------|---|------------------------------|--|-----------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| 11 | Xây dựng, nhân rộng hệ thống quận điện tử | UBND quận, huyện liên quan | Nhân rộng Hệ thống 1 cửa cho 7 quận, huyện | 2011-2013 | 8.000 | 3.000 | 3.000 | 2.000 | | |
| | | | Tích hợp Hệ thống 1 cửa vào hệ thống thông tin quản lý văn bản và điều hành của quận, huyện | 2012-2013 | 2.000 | | 1.000 | 1.000 | | |
| | | | Xây dựng hệ thống thông tin quản lý đất đai cấp quận | 2011-2012 | 5.000 | 3.000 | 2.000 | | | |
| | | | Xây dựng dịch vụ công qua mạng cho 8 quận, huyện: | 2011-2015 | 2.000 | 500 | 400 | 400 | 400 | 300 |
| | | | - 25 Dịch vụ công mức 3 | | | | | | | |
| - 10 Dịch vụ công mức 4 | | | | | | | | | | |
| 12 | Triển khai hệ thống Sở điện tử | Sở, Ban, Ngành liên quan | Nhân rộng Hệ thống 1 cửa cho 18 Sở, ngành | 2011-2013 | 2.000 | 1.000 | 500 | 500 | | |
| | | | Tích hợp Hệ thống 1 cửa vào hệ thống thông tin quản lý văn bản và điều hành của 18 sở ngành | 2012-2014 | 1.000 | | 500 | 300 | 200 | |
| | | | Xây dựng hệ thống thông tin quản lý đất đai liên thông giữa Sở Tài Nguyên môi trường, Xây dựng, quận huyện | 2012-2014 | 5.000 | | 2.000 | 2.000 | 1.000 | |
| | | | Xây dựng dịch vụ công của Sở ngành: | 2011-2015 | 8.000 | 2.000 | 2.000 | 2.000 | 1.000 | 1.000 |
| | | | - 40 Dịch vụ công mức 3 | | | | | | | |
| - 20 Dịch vụ công mức 4 | | | | | | | | | | |
| 13 | Mua bán quyền các phần mềm chuyên ngành | Sở Thông tin và Truyền thông | Mua bán quyền các phần mềm chuyên ngành: | 2011-2015 | 5.000 | 1.000 | 1.000 | 1.000 | 1.000 | 1.000 |
| | | | - Autocad | | | | | | | |
| | | | - Phần mềm ESRI (GIS) | | | | | | | |
| | | | - Thiết kế giao thông | | | | | | | |
| | | | - Phần mềm BMI | | | | | | | |
| | | | - Các hệ thống mô phỏng | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | |
|--|--|--------------------------|--|-----------|--------|-------|-------|-------|-------|-------|
| 14 | Xây dựng mới, nâng cấp và hoàn thiện các ứng dụng CNTT chuyên ngành. | Sở, Ban, Ngành liên quan | Xây dựng mới, nâng cấp và hoàn thiện các ứng dụng CNTT trong các hoạt động nghiệp vụ tại các cơ quan quản lý nhà nước của thành phố. | 2011-2015 | 2.000 | 400 | 400 | 400 | 400 | 400 |
| III Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp | | | | | 50.650 | 2.600 | 2.600 | 2.600 | 2.600 | 2.600 |
| 1 | Xây dựng Công thông tin giáo dục đào tạo Đà Nẵng | Sở Giáo dục và Đào tạo | Hiệu chỉnh nâng cấp Công thông tin giáo dục đào tạo thành phố Đà Nẵng | 2011-2012 | 300 | 200 | 100 | | | |
| | | | Xây dựng hệ thống học bạ điện tử: | 2011-2015 | 5.000 | 1.000 | 1.000 | 1.000 | 1.000 | 1.000 |
| | | | - Tiểu học | | | | | | | |
| | | | - Phổ thông cơ sở | | | | | | | |
| | | | - Phổ thông Trung học | | | | | | | |
| | | | Tích hợp: | 2011-2015 | 500 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 |
| | | | - 15 Dịch vụ công qua mạng mức 3 của ngành giáo dục | | | | | | | |
| | | | - 10 Dịch vụ công qua mạng mức 4 của ngành giáo dục | | | | | | | |
| Xây dựng trang thông tin điện tử (portled) cho: | 2011-2015 | 2.500 | 500 | 500 | 500 | 500 | 500 | | | |
| - Tiểu học 102 Trường | | | | | | | | | | |
| - Phổ thông cơ sở 52 Trường | | | | | | | | | | |
| - Phổ thông Trung học: 20 Trường | | | | | | | | | | |
| 2 | Xây dựng hệ thống Cấp chứng minh nhân dân qua mạng | Công an thành phố | Xây dựng và triển khai hệ thống đăng ký và cấp chứng minh nhân dân qua mạng; | 2011-2012 | 250 | 200 | 50 | | | |

| | | | | | | | | | | | |
|---|--|------------------------------|---|-----------|--------|-------|-------|-------|-------|-------|--|
| 3 | Hệ thống cấp giấy phép xây dựng qua mạng | Sở Xây dựng | Nâng cấp và triển khai sử dụng thực tế hệ thống cấp giấy phép xây dựng qua mạng nhằm tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác cấp phép xây dựng nhà ở, công trình, rút ngắn thời gian xử lý các thủ tục hành chính và giảm thời gian đi lại của công dân | 2011 | 200 | 200 | | | | | |
| 4 | Dự án nâng cấp chuyển đổi chuẩn số hóa dữ liệu cho các thiết bị y tế | Sở Y tế | Nâng cấp chuyển đổi chuẩn số hóa dữ liệu cho các thiết bị y tế: | 2011-2015 | 10.000 | 2.000 | 2.000 | 2.000 | 2.000 | 2.000 | |
| | | | - X Quang (45 máy) | | | | | | | | |
| | | | - Điện tâm đồ (170 máy) | | | | | | | | |
| | | | - Thiết bị khác | | | | | | | | |
| 5 | Xây dựng hệ thống thông tin cảnh báo thiên tai | Sở Thông tin và Truyền thông | Hệ thống thông tin cảnh báo thiên tai: | 2014 | 3.000 | | | | | 3.000 | |
| | | | - Phát sóng Radio | | | | | | | | |
| | | | - Tin nhắn MMS, SMS | | | | | | | | |
| | | | - Gửi Fax theo yêu cầu | | | | | | | | |
| | | | - Bản phào màu tự động | | | | | | | | |
| 6 | Xây dựng Công thông tin Y Tế | Sở Y tế | Xây dựng Công thông tin Y tế | 2011-2012 | 500 | 300 | 200 | | | | |
| | | | Xây dựng hệ thống thông tin quản lý Bệnh viện: | 2011-2015 | 20.000 | 5.000 | 5.000 | 5.000 | 2.500 | 2.500 | |
| | | | - 7 Bệnh viện cấp quận | | | | | | | | |
| | | | - 6 Bệnh viện chuyên khoa | | | | | | | | |
| | | | - 2 Bệnh viện cấp thành phố | | | | | | | | |
| | | | Tích hợp: | 2011-2015 | 500 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | |
| - 10 Dịch vụ công qua mạng mức 3 của ngành Y tế | | | | | | | | | | | |
| - 05 Dịch vụ công qua mạng mức 4 của ngành Y tế | | | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | |
|-----------|---|------------------------------|---|-----------|-------|---------------|--------------|------------|------------|------------|------------|
| | | | Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý dịch tễ: | 2011-2015 | 2.500 | 500 | 500 | 500 | 500 | 500 | |
| | | | - Sở Y tế | | | | | | | | |
| | | | - 8 Trung tâm y tế quận, huyện | | | | | | | | |
| | | | - 56 xã phường | | | | | | | | |
| | | | Xây dựng hệ thống chẩn đoán từ xa: | 2011-2015 | 2.000 | 500 | 500 | 500 | 250 | 250 | |
| | | | - Tư vấn chăm sóc sức khỏe từ xa | | | | | | | | |
| | | | - Chẩn đoán qua mạng | | | | | | | | |
| 7 | Dự án nâng cấp và triển khai Hệ thống đăng ký lưu trú trực tuyến qua mạng | Công an thành phố | Xây dựng và triển khai diện rộng Hệ thống đăng ký lưu trú trực tuyến qua mạng, tạo điều kiện thuận lợi để công dân, du khách có nhu cầu đến lưu trú tại thành phố đăng ký một cách nhanh chóng và kịp thời. | 2011-2015 | 3.000 | 600 | 600 | 600 | 600 | 600 | |
| 8 | Xây dựng hệ thống Cấp hộ chiếu điện tử | Công an thành phố | Xây dựng và triển khai hệ thống đăng ký và cấp hộ chiếu điện tử | 2012 | 250 | | 250 | | | | |
| 9 | Nâng cấp hệ thống Đấu thầu qua mạng | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Nâng cấp và triển khai sử dụng thực tế hệ thống đấu thầu qua mạng; | 2011 | 150 | 150 | | | | | |
| IV | Đào tạo nguồn nhân lực cho ứng dụng CNTT | | | | | 12.000 | 1.000 | 950 | 950 | 950 | 950 |
| 1 | Nâng cao năng lực CNTT cho cán bộ, công chức | Sở Thông tin và Truyền thông | Đào tạo, đào tạo lại các ứng dụng cho người sử dụng: | 2011-2015 | 1.500 | 300 | 300 | 300 | 300 | 300 | |
| | | | - Văn phòng (xã/phường) | | | | | | | | |
| | | | - An ninh mạng | | | | | | | | |
| | | | - Các dịch vụ Internet (xã/phường) | | | | | | | | |
| | | | - Ứng dụng mã nguồn mở | | | | | | | | |
| | | | Đào tạo cho lãnh đạo CIO: | 2011-2015 | 1.000 | 200 | 200 | 200 | 200 | 200 | |
| | | | - Quản lý và điều hành các dự án | | | | | | | | |